



PHỤ LỤC

ATTACHMENT

(Kèm theo quyết định số: .2023/QĐ - VPCNCL ngày tháng 08 năm 2023
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng xét nghiệm: Khoa Tế bào – tổ chức học

Medical Testing Laboratory *Department of Cytology and Histology*

Cơ quan chủ quản: Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương

Organization: *National Institute of Hematology and Blood Transfusion*

Lĩnh vực xét nghiệm: Huyết học

Field of medical testing: *Hematology*

Người phụ trách/ *Representative:* Nguyễn Ngọc Dũng

Người có thẩm quyền ký/ *Approved signatory :*

TT	Họ và tên/ <i>Name</i>	Phạm vi được ký/ <i>Scope</i>
1.	Nguyễn Ngọc Dũng	Các xét nghiệm được công nhận/ <i>Accredited medical tests</i>
2.	Phạm Hải Yến	
3.	Nguyễn Thị Mai	
4.	Nguyễn Thị Xuân	
5.	Nguyễn Vũ Thịnh	
6.	Cao Thị Thủy	
7.	Đoàn Thị Thu Hằng	
8.	Nguyễn Thị Thùy Linh	
9.	Phạm Thị Nguyệt	
10.	Phí Thị Nguyệt Anh	
11.	Nguyễn Đình Tuệ	
12.	Trương Thị Hiên	
13.	Nguyễn Thị Quỳnh	
14.	Phí Thị Phương	
15.	Phan Thị Ngọc Mai	
16.	Vũ Thị Thủy	
17.	Nguyễn Xuân Đức	
18.	Nguyễn Thu Hòa	
19.	Phạm Thị Hồng Chuyên	
20.	Bùi Thị Ngân	
21.	Nguyễn Văn Mạnh	
22.	Bùi Thị Tố Uyên	



PHỤ LỤC

ATTACHMENT

(Kèm theo quyết định số: .2023/QĐ - VPCNCL ngày tháng 08 năm 2023
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Số hiệu/ Code: **VILAS Med 067**

Hiệu lực/ Validation: **08/09/2026**

Địa chỉ/ Address: **Viện Huyết học – Truyền máu TW, đường Phạm Văn Bạch, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội**

Địa điểm/ Location: **tầng 2, nhà H, Viện Huyết học – Truyền máu TW, đường Phạm Văn Bạch, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội**

Điện thoại/ Tel: **043.2868035**

Fax:

E-mail: **khoatebao@gmail.com**

Website: **www.vienhuyethoc.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF MEDICAL ACCREDITED TESTS

VILAS Med 067

Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học**
Discipline of medical testing: **Hematology**

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) Type of sample (speciment)/ anticoagulant (if any)	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm (The name of medical tests)	Kỹ thuật xét nghiệm (Technical test)	Phương pháp xét nghiệm (Test method)
1.	Máu/ Blood (EDTA)	Xác định số lượng hồng cầu (RBC) <i>Determination of Red blood cell (RBC)</i>	Điện trở kháng <i>Electrical Impedance</i>	QT.TB.22 (2023) (DxH 800)
				QT.TB.92 (2023) (DxH 900)
2.		Xác định lượng Hemoglobin (HGB) <i>Determination of Hemoglobin (HGB)</i>	Đo quang <i>Optical</i>	QT.TB.23 (2023) (DxH 800)
				QT.TB.93 (2023) (DxH 900)
3.		Xác định số lượng bạch cầu (WBC) <i>Determination of White blood cell (WBC)</i>	Điện trở kháng, laser <i>Electrical Impedance, Laser light scattering</i>	QT.TB.24 (2023) (DxH 800)
				QT.TB.95 (2023) (DxH 900)
4.		Xác định số lượng tiểu cầu (PLT) <i>Determination of Platelet (PLT)</i>	Điện trở kháng <i>Electrical Impedance</i>	QT.TB.25 (2022) (DxH 800)
				QT.TB.94 (2022) (DxH 900)

Ghi chú/ Note: QT.TB: Quy trình xét nghiệm do PXN xây dựng/ *Laboratory developed methods*

